

BIÊN BẢN

**Tự đánh giá kết quả thực hiện việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số
Năm học 2023 - 2024**

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: Vào hồi 7 giờ 00 phút ngày 31/5/2024, Tổ tự kiểm tra đánh giá ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đã tiến hành kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số năm học 2023 - 2024.

2. Địa điểm: Tại trường Tiểu học Vĩnh Tiến – Cổ Am

I. THÀNH PHẦN

- Bà Phạm Thị Hợi - BTCB-HT-Tổ trưởng.
- Ông Nguyễn Anh Tuấn – PBTCB – Tổ phó.
- Bà Trần Thị Yên – PHT - Thành viên.
- Bà Phạm Thị Vân Anh - KT+VT – Thư kí.
- Ông Đào Bá Đản – CTCD - Thành viên.
- Bà Vũ Thị Tuyết – Tổ trưởng tổ 1,2,3 - Thành viên.
- Bà Đỗ Thị Hoa – Tổ trưởng tổ 4,5 - Thành viên.
- Bà Trần Thị Lan – Tổ phó tổ 1 2 3 - Thành viên.
- Bà Trần Thị Kim Vân – Tổ phó tổ 4,5 - Thành viên.

II. NỘI DUNG

Các thành viên Tổ kiểm tra đã tiến hành tự kiểm tra đánh giá chấm điểm theo các tiêu chí của Bộ chỉ số tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và thống nhất đánh giá như sau:

1. Đánh giá theo các tiêu chí

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Điểm tự đánh giá	Minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy học	100			57	
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp dạy học trực tiếp)					Kế hoạch dạy học trực tuyến
1.2.	Có ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.					Quy chế dạy học trực tuyến
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:					
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp (ghi tên)		Tối đa 6 điểm		6	Zoom, Google Meet
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).	30	Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm	Mức độ 1: 10đ Mức độ 2: từ 10-20đ Mức độ 3: trên 20đ.	12	Bài kiểm tra trực tuyến của Bộ phận CM và GV
	- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:					
	+ Giáo viên giao bài cho học sinh tự học					
	+ Giáo viên trả lời các câu hỏi của học sinh					
	+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên					
	+ Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh					
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu phê duyệt)	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm.	Mức độ 1: dưới 4đ Mức độ 2: từ 4-6đ Mức độ 3: trên 7đ.	6	-DS GV tham gia soạn bài giảng điện tử, Video bài giảng làm kho học liệu (cả phần mềm)

1.5.	Có tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên hệ phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8đ Mức độ 2: từ 8-14đ Mức độ 3: trên 14đ.	0	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường.	5	Tối đa 5 điểm			
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:					
	+ Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.	20	<30%: 2 điểm; 30-60%: 4 điểm; >60%: 7 điểm.	Mức độ 1: dưới 8đ Mức độ 2: từ 8-14đ Mức độ 3: trên 14đ.	7	- DS GV có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến
	+ Tỷ lệ GV có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: 2 điểm; 30-60%: 4 điểm; >60%: 7 điểm.		7	- DS GV có số tiết ứng dụng CNTT trong dạy học. - DS GV tham gia dạy học trực tuyến
	+ Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: 2 điểm; 30-60%: 4 điểm; >60%: 6 điểm.		6	- DS GV tham gia xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử (cả phần mềm)
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:					
	+ Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: 2 điểm; 20-60%: 5 điểm; >60%: 8 điểm.	Mức độ 1: dưới 8đ Mức độ 2: từ 8-14đ Mức độ 3: trên 14đ.	8	- Biên bản kiểm kê thiết bị các phòng học.
	+ Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học		Mức độ 1: 2 điểm Mức độ 2: 5 điểm Mức độ 3: 7 điểm.		5	- Biên bản kiểm kê phòng tin học

	+ Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		5		0	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị CSGD	100			78	
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)					- Quyết định TL Tổ công nghệ thông tin, chuyển đổi số
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số					Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê)		6		6	Các phần mềm: quản lý CB, quản lý tài chính, tài sản Misa, ...
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường					
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		6		6	Phần mềm CSDL ngành
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: 3đ Áp dụng chứng thư số: 10 điểm		3	- Bản in từ hệ thống sổ điểm, học bạ điện tử
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBGVNV		6		6	QLCB-haiphong.vn; quản lý tài sản
	Có triển khai phân hệ quản lý CSVC		10		10	
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		10		5	CSDL ngành
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		6		6	Phần mềm kế toán
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		6		6	
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:					

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	8		8	Hệ thống Zalo nhóm lớp
- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến		12		12	- Kế hoạch tuyển sinh, hình ảnh tuyển sinh trực tuyến
- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		10		10	Agribank Sof Token

2. Đánh giá chung

- Ưu điểm: Nhà trường bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên, đã tập trung tuyên truyền công tác chuyển đổi số, chỉ đạo, triển khai đến 100% cán bộ giáo viên nhân viên thực hiện việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trên các mặt hoạt động của nhà trường, đoàn thể, cá nhân. 100% CBGVNV cơ bản đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức đến việc làm, sử dụng khá thành thạo trong từng vị trí việc làm, đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

- Hạn chế: Một số giáo viên còn hạn chế trong việc soạn bài giảng điện tử.

Việc dạy học trực tuyến khi học sinh được đến trường học tập trực tiếp ít được GV quan tâm.

3. Kết quả

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá, Ban chỉ đạo và tổ công nghệ đánh giá mức chuyển đổi số của nhà trường như sau:

- Nhóm tiêu chí “***Chuyển đổi số trong dạy, học***”: Đạt 57/100 điểm, đạt Mức độ 2.

- Nhóm tiêu chí “***Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục***”: Đạt 78/100 điểm, đạt Mức độ 2.

Biên bản được thông qua vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày và được 100% các thành viên nhất trí tán thành.

THƯ KÝ

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Vân Anh

Phạm Thị Hợi

